

Số: 1772 /GP-UBND

Hải Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2016

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp phép tài nguyên nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH cộc ông Kiến Hoa - Đất Việt ngày 08 tháng 6 năm 2016 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 532/TTr-TNMT ngày 29 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH cộc ông Kiến Hoa - Đất Việt; địa chỉ: Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước mặt và nước thải trong khu vực.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Địa danh hành chính: Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN 2000, kinh tuyến trục 105° , múi chiếu 6°):

X(m): 2318273

Y(m): 659559

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

4. Chế độ xả nước thải: Không theo chu kỳ.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $80\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chất lượng nước thải: (Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải tại phụ lục kèm theo)

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Yêu cầu đối với Công ty TNHH cọc ống Kiến Hoa - Đất Việt:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện nghiêm chế độ quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải theo tần suất quan trắc và các thông số quan trắc quy định tại báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
3. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.
5. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo tất cả nước thải sau khi xử lý và thải vào nguồn tiếp nhận đều phải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cmax mức B với hệ số Kq=0,9, Kf=1,1 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cmax mức B với hệ số K=1,2.

Điều 3. Công ty TNHH cọc ống Kiến Hoa - Đất Việt được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chậm nhất 90 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH cọc ống Kiến Hoa - Đất Việt còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. *lc*

Nơi nhận:

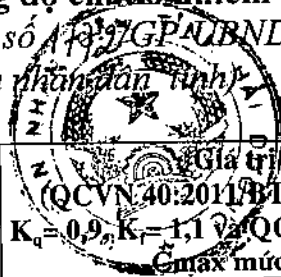
- Công ty TNHH cọc ống Kiến Hoa - Đất Việt;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Kim Thành;
- Lưu: VT. Ô.Đông. (7b)*lc*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

Phụ lục: Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải
 (ban hành kèm theo Giấy phép số 137/GP.UBND ngày 01/7/2016
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn (QCVN 40:2011/ BTNMT, Cmax mức B, Kq=0,9, Kt=1,1) và (QCVN 14:2008/ BTNMT, Cmax mức B, K=1,2)	Yêu cầu
1	2	3	4	5
1	Nhiệt độ	°C	40	Nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải sau hệ thống xử lý và thải ra nguồn tiếp nhận phải nằm trong giới hạn quy định tại cột 4
2	Màu	Pt/Co	150	
3	pH	-	5-9	
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5	
5	COD	mg/l	148,5	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99	
7	Asen	mg/l	0,099	
8	Thủy ngân	mg/l	0,0099	
9	Chì	mg/l	0,495	
10	Cadimi	mg/l	0,099	
11	Crom(VI)	mg/l	0,099	
12	Crom(III)	mg/l	0,99	
13	Đồng	mg/l	1,98	
14	Kẽm	mg/l	2,97	
15	Niken	mg/l	0,495	
16	Mangan	mg/l	0,99	
17	Sắt	mg/l	4,95	
18	Tổng xianua	mg/l	0,099	
19	Tổng phenol	mg/l	0,495	
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9	
21	Sunfua	mg/l	0,495	
22	Florua	mg/l	9,9	
23	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	9,9	
24	Tổng nitơ	mg/l	39,6	
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94	
26	Clorua	mg/l	990	
27	Clo dư	mg/l	1,98	
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,099	
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,99	
30	Tổng PCB	mg/l	0,0099	
31	Coliform	MPN/100ml	5000	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
34	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
35	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
36	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
37	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
38	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	